

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG¹

(Trích)

(1) Em ơi! Buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì

Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ
Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ² gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp³
(...)

(2) Ai về bên kia sông Đuống
Cho ta gửi tấm the đen⁴
Mấy trăm năm tháp thoáng mộng bình yên
Những hội hè đình đám
Trên núi Thiên Thai⁵
Trong chùa Bút Tháp⁶
Giữa huyện Lang Tài⁷
Gửi về may áo cho ai
Chuông chùa văng vẳng nay người ở đâu?
Những nàng môi cắn chỉ quết trâu⁸
Những cụ già phơ phơ tóc trắng
Những em sột soạt quần nâu
Bây giờ đi đâu, về đâu?

*Ai về bên kia sông Đuống
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen
Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu toả nắng*

(Hoàng Cầm, *Bên kia sông Đuống*, NXB Văn hóa, 1993)

* Nhà thơ Hoàng Cầm (1922-2010), quê gốc tại tỉnh Bắc Ninh (xưa gọi là Kinh Bắc). Ông tham gia Thanh niên cứu quốc từ năm 1944, sau đó hăng hái tham gia các hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến. Hoàng Cầm viết bài thơ “*Bên kia sông Đuống*” và một đêm giữa tháng Tư năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc. Xúc động trào dâng sau khi nghe tin quê nhà bị giặc chiếm đóng, tàn phá, ông đã viết thâu canh, cho đến lúc gà gáy sáng thì hoàn thành bài thơ.

(1) *sông Đuống*: dòng sông hình thành từ một nhánh của sông Hồng, chảy qua tỉnh Bắc Ninh.

(2) *Đông Hồ*: làng nổi tiếng với nghề vẽ tranh dân gian, nằm bên bờ sông Đuống

(3) *giấy điệp*: Giấy vẽ tranh của làng Đông Hồ; loại giấy dó, dày và dai, quét điệp (một chất liệu chế tạo bằng bột vỏ điệp (giống như loài hên), hoà với chất keo, màu trắng tinh nổi cát óng ánh).

(4) *the*: loại vải dệt sợi truyền thống, mỏng nhẹ, hơi thưa.

(5),(6),(7) *núi Thiên Thai, chùa Bút Tháp, huyện Lang Tài*: những địa danh ở vùng đất Bắc Ninh.

(8) *môi cắn chỉ quét trầu*: phụ nữ thời xưa thường ăn trầu, môi có quét trầu đỏ thành ngân thanh và dài như sợi chỉ.

Thực hiện các yêu cầu/ trả lời những câu hỏi sau:

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2 (1,5 điểm): Ở phần (2), hình ảnh con người ở vùng đất “bên kia sông Đuống” được gọi tả qua những hình ảnh nào? Qua đó, em cảm nhận gì về những con người Kinh Bắc hiện lên trong tâm tưởng của nhà thơ ?

Câu 3 (1,0 điểm): Ghi lại hai câu hỏi được tác giả sử dụng trong phần (2) của văn bản và nêu chức năng của những câu hỏi ấy.

Câu 4 (1,0 điểm): Thể hiện góc nhìn của thế hệ trẻ về mảnh đất Bắc Ninh, tháng 3/2025, MV Bắc Bling của ca sĩ Hòa Minzy đã tạo thành làn sóng văn hóa, được khán giả đón nhận tích cực. Từ những suy ngẫm gợi ra qua văn bản “*Bên kia sông Đuống*” và hiểu biết xã hội, theo em, thế hệ trẻ hiện nay cần có cách ứng xử như thế nào đối với những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương? (*Trình bày khoảng 3 đến 5 câu văn*).

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh vùng quê Kinh Bắc được gợi tả trong phần (1) của văn bản “*Bên kia sông Đuống*” được dẫn ở phần Đọc – hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm): Đối với học sinh, khả năng tự học là nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình học tập. Em hãy viết bài văn (*khoảng 400 chữ*) đưa ra giải pháp khả thi để phát triển kỹ năng tự học hiệu quả, phù hợp với thời đại công nghệ số hiện nay.

-----Hết-----

Họ và tên học sinh:..... Lớp:

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ II

Năm học 2024 – 2025

MÔN NGỮ VĂN 9

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Xác định thể thơ của văn bản	0.5
	HS xác định đúng: thể thơ tự do	0,5
2	Ở phần (2), hình ảnh con người ở vùng đất “bên kia sông Đuống” trong tâm tưởng của nhà thơ được gọi tả bằng những hình ảnh nào? Qua đó, em cảm nhận gì về những con người nơi đây?	1.5
	- Học sinh tìm được các hình ảnh con người ở vùng đất “bên kia sông Đuống: + Những nàng môi cắn chỉ quết trâu + Những cụ già phơ phơ tóc trắng + Những em sột soạt quần nâu + Những cô hàng xén răng đen, khuôn mặt búp sen, cười như mùa thu tỏa nắng	0.5
	- Cảm nhận về hình ảnh con người Kinh Bắc: những con người phúc hậu, hồn nhiên (cụ già tóc bạc phơ, em nhỏ xúng xính quần áo mới,...); duyên dáng, hồn hậu, tươi tắn, mang nét đẹp truyền thống (cô gái phúc hậu, nụ cười tươi tắn,...)	1.0
3	Ghi lại hai câu hỏi được tác giả sử dụng trong phần (2) của văn bản và nêu chức năng của những câu hỏi ấy.	1,0
	- Học sinh ghi đúng hai câu hỏi trong phần (2) của văn bản Chuông chùa vắng vắng nay người ở đâu? Bây giờ đi đâu, về đâu?	0,5
	- Nêu chức năng của câu hỏi: Bộc lộ cảm xúc: lo lắng, đau đớn xót xa khi quê hương bị giặc tàn phá; nhớ tiếc những nét đẹp của con người, giá trị văn hóa của quê hương	0,5
4	Từ những suy ngẫm gọi ra qua văn bản “<i>Bên kia sông Đuống</i>” và hiểu biết xã hội, theo em, thế hệ trẻ hiện nay cần có cách ứng xử như thế nào đối với những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương? (Trình bày khoảng 3 đến 5 câu văn)	1.0
	Học sinh nêu được cách ứng xử hợp lý và lý giải thuyết phục. Có thể theo hướng: cần trân trọng, giữ gìn; có hành động, việc làm cụ thể để phát huy, tiếp nối truyền thống văn hóa quê hương, cống hiến cho quê hương...(vì đó là kết tinh giá trị tinh thần lâu đời, nuôi dưỡng tâm hồn con người, nhớ về nguồn cội,...)	1,0

II. PHẦN VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh vùng quê Kinh Bắc được khắc họa trong phần (1) của văn bản “*Bên kia sông Đuống*” được dẫn ở phần Đọc – hiểu.

Phần	Nội dung	Điểm
a. Xác định yêu cầu về hình thức, dung lượng	Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ). HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp hoặc phối hợp,...	0,25
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	Phân tích hình ảnh vùng quê Kinh Bắc được gợi tả trong phần (1) của văn bản “ <i>Bên kia sông Đuống</i> ”	0,25
c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu	HS phân tích được hình ảnh vùng quê Kinh Bắc trong tâm tưởng nhà thơ: vẻ đẹp mộc mạc, thanh bình, trù phú; gắn liền với giá trị văn hóa truyền thống lâu đời	0,5
	Cảm xúc của nhà thơ: tự hào về vẻ đẹp của quê hương; đau đớn xót xa khi quê hương bị giặc tàn phá.	0,25
	Nghệ thuật: hình ảnh thơ gợi cảm, giàu tính biểu tượng; từ láy, nghệ thuật so sánh, cách biểu cảm trực tiếp, ... (HS lựa chọn, phân tích được một hoặc một vài nét nghệ thuật đặc sắc)	0,25
d. Diễn đạt	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
e. Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

Câu 2 (4,0 điểm): Đối với học sinh, khả năng tự học là nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình học tập. Em hãy viết bài văn (khoảng 400 chữ) đưa ra giải pháp khả thi để phát triển kỹ năng tự học hiệu quả, phù hợp với thời đại công nghệ số hiện nay.

Phần	Nội dung	Điểm
a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận	Bảo đảm yêu cầu về bố cục ba phần và dung lượng (khoảng 400 chữ).	0,25
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	Đưa ra giải pháp khả thi để phát triển kỹ năng tự học hiệu quả, phù hợp với thời đại công nghệ số	0,5
c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu	* Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận.	0,25
	* Thân bài: - Giải thích: tự học là quá trình học tập mà người học tự chủ động tìm kiếm, thu thập và nghiên cứu thông tin, kiến thức.	0,25

Phần	Nội dung	Điểm
	- Bàn luận về vai trò của kỹ năng tự học trong thời đại công nghệ số: <i>Có thể là:</i> giúp người học chủ động cập nhật và mở rộng kiến thức, tận dụng hết lợi ích của công nghệ; dễ dàng thích ứng với biến đổi không ngừng của công nghệ;... - Đưa ra và phân tích các giải pháp phát triển kỹ năng tự học hiệu quả, phù hợp với thời đại công nghệ số: <i>Có thể là:</i> + Sử dụng mạng xã hội tìm kiếm thông tin, chọn lọc kiến thức... + Sử dụng các công cụ học tập trực tuyến, phần mềm hỗ trợ học tập, tham gia các khóa học trực tuyến, làm các đề thi chấm điểm tự động online... + Tham gia các nhóm học tập trực tuyến để theo dõi thông tin, trao đổi, học hỏi... Đưa ra bằng chứng thực tế...	1,5
	Bàn mở rộng: HS có thể bàn theo nhiều hướng, miễn hợp lí và làm sâu sắc thêm vấn đề. Có thể theo hướng: không nên lạm dụng thiết bị công nghệ...	0,25
	- Kết bài: Khẳng định quan điểm của bản thân; liên hệ	0,25
d. Diễn đạt	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong bài văn.	0,25
e. Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

